

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

ẤN DỤNG Ý NIỆM CỦA CÁC GIÁC QUAN
VÀ VIỆC VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC TIẾNG
ANH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

Mã số: B.2018 - DNA - 03

Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Thùy Oanh

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

ẤN DỤ Ý NIỆM CỦA CÁC GIÁC QUAN
VÀ VIỆC VẬN DỤNG VÀO DẠY HỌC TIẾNG
ANH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

Mã số: B.2018 - DNA - 03

TL. GIÁM ĐỐC
Xác nhận của tổ chức chủ trì đề tài
TRƯỞNG BAN KHCN & MT

Chủ nhiệm đề tài



A blue ink signature of TS. Trần Thị Thùy Oanh.

TS. Trần Thị Thùy Oanh

PGS. TS. Nguyễn Lê Hùng

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2019

**DANH SÁCH NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU
ĐỀ TÀI VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH**

Danh sách những thành viên tham gia nghiên cứu đề tài

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao
1	TS. Trần Quang Hải	Trường ĐHNN - ĐHĐN Ngôn ngữ học, phương pháp giảng dạy	Nghiên cứu cơ sở lý luận Tham gia lập phiếu khảo sát
2	ThS. Ngô Thị Hiền Trang	Trường ĐHNN - ĐHĐN Ngôn ngữ học, phương pháp giảng dạy	Nghiên cứu cơ sở lý luận
3	ThS. Nguyễn Trần Uyên Nhi	Trường ĐHNN - ĐHĐN Ngôn ngữ học, phương pháp giảng dạy	Tham gia lập phiếu khảo sát
4	ThS. Tăng Thị Hà Vân	Trường ĐHNN - ĐHĐN Ngôn ngữ học, phương pháp giảng dạy	Khảo sát, thu nhập dữ liệu
5	NCS.ThS. Lê Minh Hiệp	Trường ĐHNN - ĐHĐN Quản lý giáo dục	Khảo sát, thống kê

Danh sách đơn vị phối hợp chính

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu
Khoa tiếng Anh - Trường ĐHNN - ĐHĐN	Khảo sát thực trạng về việc sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm của các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của sinh viên chuyên ngữ Trường ĐHNN - ĐHĐN - Khảo nghiệm các biện pháp áp dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ
Khoa tiếng Anh - Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội	Khảo nghiệm các biện pháp áp dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ
Khoa tiếng Anh - Trường ĐHNN - ĐH Huế	Khảo nghiệm các biện pháp áp dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ

MỤC LỤC

	Trang
Trang phụ bìa	
Danh sách những thành viên tham gia nghiên cứu đề tài và đơn vị phối hợp chính	1
Mục lục	2
Danh mục các chữ viết tắt	3
Thông tin kết quả nghiên cứu	4
Mở đầu	10
1. Lý do chọn đề tài	10
2. Mục đích nghiên cứu	10
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	10
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	11
5. Nội dung nghiên cứu	12
Chương 1: Cơ sở lý luận về ẩn dụ ý niệm	12
1.1. Tổng quan những nghiên cứu liên quan đến đề tài	12
1.2. Những nội dung chính của ngôn ngữ học tri nhận	14
1.3. Những nội dung chính của ẩn dụ ý niệm	15
1.4. Những thuộc tính điển dạng của các giác quan	15
Tiểu kết chương 1	15
Chương 2: Cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt	15
2.1. Cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh	16
2.2. Cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Việt	16
2.3. Đối sánh cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt	17
Tiểu kết chương 2	17
Chương 3: Thực trạng sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của sinh viên chuyên ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	18
3.1. Mô tả quá trình khảo sát	18
3.2. Khảo sát việc sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của sinh viên chuyên ngữ Trường ĐHNH - ĐHĐN	18
3.3. Đánh giá việc sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của sinh viên chuyên	20

ngữ Trường ĐHNN - ĐHĐN	
3.4. Đề xuất áp dụng phân tích cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ	21
Tiểu kết chương 3	21
Kết luận và khuyến nghị	22
1. Kết luận	23
2. Khuyến nghị	23
3. Hạn chế của đề tài và đề xuất cho nghiên cứu sau này	24

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ÂDYN	Ẩn dụ ý niệm
ĐHĐN	Đại học Đà Nẵng
ĐHNN	Đại học Ngoại ngữ
GV	Giảng viên
HỆTN	Hoạt động tri nhận
NNHTN	Ngôn ngữ học tri nhận
SV	Sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: **Ảnh dụ ý niệm của các giác quan và việc vận dụng vào dạy học tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ**

- Mã số: B.2018 - DNA - 03

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Thùy Oanh

- Tổ chức chủ trì: Đại học Đà Nẵng

- Thời gian thực hiện: 01/2018 - 12/2019

2. Mục tiêu:

- Đối sánh được việc thể hiện ảnh dụ ý niệm dựa trên giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt dựa trên dữ liệu từ British National Corpus và Sketch Engine.

- Thiết lập và phân tích được cấu trúc (sơ đồ ánh xạ) ảnh dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt.

- Đánh giá được việc sử dụng cấu trúc ảnh dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của sinh viên chuyên ngữ.

- Đề xuất các biện pháp áp dụng cấu trúc ảnh dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ các trường Đại học Ngoại ngữ/ Khoa Ngoại ngữ trên toàn quốc.

3. Tính mới và sáng tạo:

- Đây là một công trình chuyên sâu về ảnh dụ dựa trên các giác quan theo quan điểm ngôn ngữ học tri nhận trong hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, lấy điểm xuất phát từ các diễn đạt được trích xuất từ Kho ngữ liệu British National Corpus (BNC) và Kho ngữ liệu Sketch Engine (SkE) ảnh dụ ý niệm dựa trên các giác quan để nghiên cứu các diễn đạt trong hai ngôn ngữ.

- Cơ sở lý luận tri nhận về tiếng Anh và tiếng Việt được trình bày cụ thể.

- Đề tài khảo sát sự hiểu biết của sinh viên chuyên ngữ sau khi tiếp cận ảnh dụ theo quan điểm ngôn ngữ học tri nhận và đặc biệt là ảnh dụ ý niệm dựa trên các giác quan vào việc học tiếng Anh, từ đó đưa ra các biện pháp thiết thực cho việc giảng dạy tiếng Anh dành cho sinh viên chuyên ngữ.

- Đề tài khảo sát ý kiến giảng viên tiếng Anh về các biện pháp được nêu ra về tính cấp thiết và khả thi của chúng nhằm giúp cho độ tin cậy của các biện pháp được cao.

4. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài góp phần làm rõ những vấn đề chính của cơ sở lý luận về ngôn ngữ học tri nhận, ẩn dụ ý niệm, cụ thể là ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt, được thiết lập từ nguồn dữ liệu British National Corpus và Sketch Engine và việc vận dụng vào giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ với quan điểm ngữ nghĩa học tri nhận trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và khảo sát. Ở phương diện ứng dụng, nghiên cứu này là những gợi ý quý báu trong quá trình dạy và học ngoại ngữ, dạy và học tiếng Anh cho SV chuyên ngữ, đặc biệt trong công tác dịch thuật cũng như trong giao tiếp liên văn hóa. Việc phân tích, trình bày các diễn đạt dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt về mặt ngữ nghĩa - ngữ dụng cho thấy rõ đặc điểm của chúng. Đề tài cũng chỉ ra bước đầu sinh viên nhận thấy hoạt động này là khó khăn và đầy thách thức. Tuy nhiên, hầu hết SV đánh giá rất tích cực việc sử dụng các diễn đạt ẩn dụ dựa trên các giác quan, tạo sự hứng thú trong quá trình học tập và họ có thể có các lựa chọn từ vựng khác nhau trong việc sử dụng theo cả nghĩa bóng và nghĩa đen.

5. Sản phẩm:

- Báo cáo tổng kết đề tài: 01
- Bài báo khoa học: 03
- Sách chuyên khảo: 01
- Sản phẩm đào tạo: 02 học viên bảo vệ thành công luận văn cao học
- Báo cáo đối sánh về việc thể hiện ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt dựa trên dữ liệu từ British National Corpus và Sketch Engine.
- Báo cáo phân tích về cấu trúc (sơ đồ ánh xạ) ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt.
- Báo cáo đánh giá kèm số liệu khảo sát về việc sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của sinh viên chuyên ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Bản đề xuất các biện pháp cụ thể áp dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ các trường đại học Ngoại ngữ/ Khoa ngoại ngữ trên toàn quốc có điều kiện tương tự.

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

6.1. Phương thức chuyển giao:

Kết quả nghiên cứu được áp dụng phân tích cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan và việc vận dụng vào dạy học tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ các trường đại học Ngoại ngữ và các Khoa Ngoại ngữ có điều kiện tương tự trên toàn quốc.

6.2. Địa chỉ ứng dụng:

- Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.
- Các trường Đại học Ngoại ngữ trên toàn quốc.
- Các khoa Ngoại ngữ thuộc các trường đại học trên toàn quốc.

6.3 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

- Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo
- + Đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo quan điểm ngôn ngữ học tri nhận.
- Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan
- + Áp dụng phân tích văn bản theo quan điểm ngôn ngữ học tri nhận.
- Đối với phát triển kinh tế-xã hội
- + Góp phần làm sáng tỏ cách sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong đời sống kinh tế - xã hội.
- Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu
- + Tạo cơ sở đánh giá được việc sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của sinh viên chuyên ngữ.
- + Vận dụng các biện pháp áp dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ.

Tổ chức chủ trì
(ký, họ và tên, đóng dấu)

Ngày 30 tháng 12 năm 2019
Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ và tên)

Trần Thị Thùy Oanh

INFORMATION OF RESEARCH RESULT

1. General information:

- Title: The solutions to improve the rank of the University of Danang on the regional and international university rankings
- Code number: B.2018 - DNA - 03
- Head research: The University of Danang
- Implementing Institution: The University of Danang, Vietnam
- Duration: From January 2018 to December 2019

2. Objective(s):

- Compare the metaphorical expressions based on the senses in English and Vietnamese with the data from British National Corpus and Sketch Engine.
- Establish and analyze structures (mappings) of conceptual metaphors based on the senses in English and Vietnamese.
- Assess the use of conceptual structures based on the senses in English and Vietnamese of students of English major.
- Propose measures to apply the conceptual structure based on the senses in English and Vietnamese to English teaching for English major students of the Foreign Language Universities/ Foreign Language Departments in Vietnam.

3. Creativeness and innovativeness:

- This is an in-depth metaphorical study based on the senses from the perspective of cognitive linguistics in English and Vietnamese languages, derived from the expressions extracted from the British National Corpus (BNC) and Sketch Engine (SkE) to find out the expressions based on the senses to study expressions in two languages.
- The theoretical basis for cognitive linguistics of English and Vietnamese is presented.
- The study also investigated the understanding of English major students after approaching metaphors from the perspective of cognitive linguistics and especially conceptual metaphors based on the senses in learning English, from which offer practical measures for teaching English to students of English major.
- The study also surveyed English teachers' opinions on the measures raised about their urgency and feasibility to help the reliability of the measures.

4. Research results:

Theoretically, the study has contributed to clarify the main issues of the theoretical basis of cognitive linguistics, conceptual metaphors, namely conceptual metaphors based on the senses in English and Vietnamese which were established from British National Corpus and Sketch Engine and the application in teaching English to English major students from the perspective of cognitive semantics based on the results of theoretical and survey research. Practically,, this research is a valuable suggestion in the process of teaching and learning foreign languages, teaching and learning English for English major students, especially in translation as well as in intercultural communication. The analysis and presentation of expressions based on the senses in English and Vietnamese in terms of semantics - pragmatics clearly show their characteristics. The study also points out that students initially find this activity difficult and challenging. However, most have a very positive assessment of the use of the expressions based on the senses, interest in the learning process and in fact it helps them have different vocabulary options figuratively and literally.

5. Products:

- Final report of the study: 01
- Scientific articles: 03
- Training products: 02 student successfully defended their master's thesis.

- A report on metaphorical expressions based on the senses in English and Vietnamese based on data from British National Corpus and Sketch Engine.

- Structural analysis (mappings) of conceptual metaphors based on the senses in English and Vietnamese.

- An evaluating report with the survey data on the use of conceptual metaphorical structures based on the senses in English and Vietnamese of English major students of the University of Foreign Languages - The University of Danang.

- A Proposal of specific measures to apply the metaphors based on the senses to English teaching for major students at Foreign Languages Universities or Departments with similar conditions.

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

6.1. Transfer alternatives:

The research results are applied to analyze the conceptual metaphors based on the senses and its application to teaching English for English major

students of foreign languages universities and the Faculty of Foreign Languages with similar conditions in Vietnam.

6.2. Application institutions:

- University of Foreign Languages - University of Danang.
- Foreign Languages Universities.
- Faculty of Foreign Languages belonging to universities nationwide.

6.3 Impacts and benefits of research results:

- For education and training:
 - + Innovating English teaching methods from the perspective of cognitive linguistics.
 - For related science and technology fields:
 - + Applying text analysis from the perspective of cognitive linguistics.
 - For socio-economic development:
 - + Contributing to elucidating the use of conceptual metaphors based on the senses in socio-economic life.
- For the host organization and establishments that apply the research results:
 - + Creating a basis for evaluating the use of conceptual metaphors based on the senses in English and Vietnamese of English major students
 - + Applying measures to apply the conceptual metaphors based on the senses in English and Vietnamese to teaching English for major students.

Implementing institution

Date: 31st December 2019
Coordinator

Tran Thi Thuy Oanh

PHẦN MỘT: MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Ngôn ngữ học tri nhận (NNHTN) - một bộ phận của Khoa học tri nhận, đã trở thành một hướng nghiên cứu được quan tâm bởi nhiều nhà ngôn ngữ học sau khi đánh dấu sự ra đời vào những năm 1970 như: Lakoff, Johnson (1980/2003), Sweetser (1986), Evans và Green (2006/2007), Tendahl (2009), Kövecses (2010),... Trong khoảng 10 năm từ khi xuất hiện, NNHTN đã có một sự bùng nổ các nghiên cứu vào những năm 1990 cùng với sự ra đời của Hội ngôn ngữ học tri nhận quốc tế và Tạp chí Ngôn ngữ học tri nhận. Theo quan điểm NNHTN, ngôn ngữ là một dạng của hoạt động tri nhận. Hay nói cách khác, hoạt động tri nhận là một quá trình thiết định giá trị của biểu thức ngôn ngữ, nghĩa là tính thông tin của nó. Hoạt động tri nhận là một bộ phận cấu thành của ý thức con người. Đặc biệt, nội dung của những chuyên thân thoại, những tiêu chuẩn đạo đức, những nguyên tắc chính trị, tôn giáo và những thành tố khác của văn hóa được phản ánh trong những quy trình và kết quả của hoạt động tri nhận.

Văn học xem ẩn dụ là cách diễn đạt bóng bẩy, mang giá trị tu từ, đem lại hiệu quả thẩm mỹ cao và được nghiên cứu chủ yếu ở góc độ tu từ, không liên quan đến tư duy, tâm trí. NNHTN đã mở ra vùng nghiên cứu mới của ẩn dụ, đặt trong mối tương quan giữa ngôn ngữ - tâm lí. Kể từ khi công trình kinh điển *Metaphors We Live By* của G. Lakoff và M. Johnson, ẩn dụ vượt ra phạm vi Ngôn ngữ học, là đối tượng nghiên cứu của khoa học liên ngành. Ẩn dụ không chỉ xuất hiện trong thơ ca mà còn thể hiện vai trò trong mọi lĩnh vực như: đời sống kinh tế, ngoại giao, quảng cáo, khoa học, điện ảnh, chính trị. Nói cách khác, ẩn dụ là một biện pháp tu từ trong văn học, dựa vào sự giống nhau giữa nghĩa đen và nghĩa bóng của ngôn từ.

Tri giác là sự phản ánh vào trong bộ não con người một cách hoàn chỉnh, thống nhất những cơ cấu, thuộc tính bộ phận bề ngoài của các sự vật, hiện tượng cũng như bản thân chúng vốn tồn tại trong thế giới khách quan khi chúng trực tiếp tác động vào các giác quan trên cơ thể con người. Như vậy, tri giác chịu ảnh hưởng của cả yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Tính trọn vẹn của tri giác phụ thuộc vào đối tượng tác động và chủ thể tri giác, đặc biệt phụ thuộc rất nhiều vào vốn kinh nghiệm của chủ thể tri giác. Kinh nghiệm của chủ thể tri giác càng phong phú thì họ càng dễ chọn đối tượng tri giác, đồng thời nội dung tri giác càng xác đáng và sâu sắc hơn.

Việc sử dụng giác quan vào thể hiện ngôn ngữ cho thấy rõ đặc điểm của chúng, đồng thời cũng phụ thuộc trực tiếp vào cơ thể con người, vào các nhân tố xã hội. Từ cách tiếp cận này, ẩn dụ dựa trên các giác quan trong tiếng Anh có sự đa dạng và phát triển vượt bậc ở góc độ ngữ nghĩa, đồng

thời có vai trò tích cực trong việc chuyển loại từ và mở rộng nghĩa. Vì vậy, đối với sinh viên (SV) nói chung và kể cả SV chuyên ngữ luôn gặp nhiều khó khăn khi học tập tiếng Anh, đặc biệt là trong việc phân loại các diễn đạt thành các ẩn dụ ý niệm (ÂDYN) khác nhau. Từ đó, SV thường mắc một số lỗi trong quá trình sử dụng chúng, đặc biệt là trong biên - phiên dịch Anh - Việt và Việt - Anh.

Xuất phát từ những lí do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài “**Ẩn dụ ý niệm của các giác quan và việc vận dụng vào dạy học tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngữ**” để nghiên cứu nhằm góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh, đặc biệt là giảng dạy biên phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh cho SV chuyên ngữ ở các trường Đại học Ngoại ngữ, các Khoa Ngoại ngữ của các trường đại học nói chung và cho SV chuyên ngữ của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (ĐHNN - ĐHĐN) nói riêng.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

- Đối sánh được việc thể hiện ÂDYN dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt dựa trên hai khối liệu: Khối liệu Anh quốc (British National Corpus - BNC) và khối liệu dựa trên nền tảng web (Sketch Engine - SkE).

- Thiết lập và phân tích được cấu trúc (sơ đồ ánh xạ) ÂDYN dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt.

- Đánh giá được việc sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của SV chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh.

- Đề xuất các biện pháp áp dụng cấu trúc ÂDYN dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ của các trường Đại học Ngoại ngữ, các Khoa ngoại ngữ có đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh thuộc các trường đại học trên toàn quốc.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Đề tài tập trung vào ngữ nghĩa trong các cấu trúc ẩn dụ dựa trên giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt và việc áp dụng vào việc giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh. Đồng thời tiến hành khảo sát thực trạng về việc sử dụng cấu trúc ÂDYN dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của SV chuyên ngữ Trường ĐHNN - ĐHĐN cùng với khảo sát ý kiến của GV tiếng Anh tại 3 trường Đại học Ngoại ngữ trên toàn quốc về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp do đề tài đề xuất.

4. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Cách tiếp cận

Sử dụng Ngôn ngữ học khối liệu (Corpus) với hai kiểu khối liệu được lựa chọn là: Khối liệu Anh quốc - British National Corpus (BNC) và Khối liệu dựa trên nền tảng web Sketch Engine (SkE).

5. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Phần Một: Mở đầu

Phần Hai: Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận về ẩn dụ ý niệm

Chương 2: Cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt

Chương 3: Thực trạng sử dụng cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của sinh viên chuyên ngữ Trường ĐHNN - ĐHĐN

Phần Ba: Kết luận, khuyến nghị

Tài liệu tham khảo

Phụ lục

PHẦN HAI: NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ẨN DỤ Ý NIỆM

1.1. TỔNG QUAN NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

NNHTN được coi là nghiên cứu cổ điển, với một trong những thành tựu nổi bật của cách tiếp cận này là ÂDYN. Đặc biệt phải kể đến các công trình của Lakoff như: “Metaphor We live by” (với Johnson 1980, 2003). Trong tác phẩm này, Lakoff và Johnson cho rằng ẩn dụ là một phần của việc sử dụng ngôn ngữ và do đó là một phần của nhận thức. Hơn nữa, ẩn dụ không chỉ đơn thuần là nhận thức; nó cũng là một hiện tượng ngôn ngữ, văn hóa xã hội, tri giác và cơ thể (Lakoff & Johnson 1980, 2003). Quan điểm này được chia sẻ bởi các học giả khác (Gibbs, 1998; Kövecses, 2002, 2005, 2006, 2010; Charteris Black, 2002; Picken, 2007). Nói cách khác, NNHTN đã phân tích ÂDYN nền tảng học thuật của nó (Kövecses, 2002). Bên cạnh đó, ÂDYN cũng là trọng tâm nghiên cứu của Kövecses (2003). Tác giả đã kiểm tra sự tương đồng về ý nghĩa tượng hình trong tiếng Anh và tiếng Hungary. Kövecses làm nổi bật ba loại nhận thức: ẩn dụ ý niệm, hoán dụ ý niệm và kết hợp cả hai. Mỗi cái có thể giống nhau hoặc khác nhau trong hai ngôn ngữ. Công việc của Kövecses làm rõ mối quan hệ giữa ẩn dụ ngôn từ và ÂDYN về văn hóa dưới nhiều hình thức. ÂDYN thường áp dụng các miền nguồn hơn cho các miền đích (Kövecses, 2002, trang 6). Stockwell (2002) ủng hộ lập luận này bằng cách tuyên bố thể giới hữu hình xung

quanh chúng ta là một cơ sở điển hình để hiểu những ý tưởng trừu tượng hơn. Ngoài ra, Kövecses (2006) lý giải rằng điều này giải thích cho tính đơn phương của các ÂDYN, rằng quá trình ẩn dụ nói chung đi từ một cách cụ thể đến trừu tượng hơn. Ông kết luận rằng hai ngôn ngữ có thể có cùng một ÂDYN nhưng biểu hiện ngôn ngữ của ÂDYN có thể bị ảnh hưởng hoặc hình thành bởi sự khác biệt về đặc điểm văn hóa - tư tưởng và các giả định đặc trưng cho các nền văn hóa khác nhau (Kövecses 2006, trang 177).

1.1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước

Nhiều công trình tiêu biểu của các nhà nghiên cứu về NNHTN như: Trần Văn Cơ (2007) với “Ngôn ngữ học tri nhận (Ghi chép và suy nghĩ)” đã khảo sát ẩn dụ từ quan điểm NNHTN và cho rằng ẩn dụ được sử dụng để giúp hiểu các khái niệm trừu tượng và chúng ta thường hiểu các ẩn dụ dựa trên các biểu hiện không ẩn dụ. Lý Toàn Thắng (2005) với “Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt”; Trần Văn Cơ (2007) với “Ẩn dụ ý niệm”.

Nguyễn Văn Trào (2009) nghiên cứu các thành ngữ liên quan đến bảy khái niệm cơ bản về cảm xúc trong tiếng Anh và tiếng Việt: “Hạnh phúc, khinh miệt, sợ hãi, giận dữ, sáng khoái, tình yêu” và “mong muốn” xuất hiện trong các từ điển đơn ngữ và song ngữ. Tác giả đã so sánh các thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt dưới dạng cấu trúc và nghĩa để làm nổi bật các mô hình và tính chuẩn mực trong hai ngôn ngữ. Nghiên cứu này cũng đề xuất khung ngữ pháp từ vựng cho các dạng kinh điển và cho thấy các mẫu biến thể theo các thành ngữ. Các thành ngữ trong dữ liệu của nó tương ứng với một số kiểu xây dựng khác nhau: danh từ, giới từ, động từ, tính từ,...

Nguyễn Thị Quyết (2015) đã nghiên cứu “Ẩn dụ trong thơ hiện đại tiếng Anh và tiếng Việt: nghiên cứu theo đường hướng ngôn ngữ học tri nhận”. Trong nghiên cứu này, Nguyễn Thị Quyết đã nghiên cứu các ẩn dụ trong thơ hiện đại tiếng Anh và tiếng Việt. Tác giả cũng bổ sung sự thay đổi của ý niệm trong hai ngôn ngữ. Tác giả đưa ra 8 chủ đề rộng trong cấu trúc ý niệm: thế giới; khía cạnh tự nhiên; thú vật; thời gian; hành động, thân thể và nhân vật; người, sự sống và cái chết; cảm giác bên trong; mối quan hệ. Qua phân tích và giải thích, các phát hiện cho thấy sự khác biệt về ý niệm và nhận ra rằng các ý niệm khác nhau bắt nguồn từ các tín ngưỡng, điều kiện sống và triết học của cuộc sống.

Huỳnh Ngọc Mai Kha (2015) nêu bật các đặc điểm văn hoá khác nhau trong hai ngôn ngữ qua các ẩn dụ về “NƯỚC” và “LỬA” trong tiếng Anh và tiếng Việt với quan điểm NNHTN.

Luận án tiến sĩ của Trịnh Thị Thanh Huệ (2011) xem xét mối quan hệ giữa ẩn dụ nhận thức và ngôn ngữ, văn hóa và suy nghĩ trên cơ sở hiểu rõ

hơn về cơ chế tạo ra ẩn dụ sẽ góp phần nghiên cứu tổng quát hơn về hoạt động nhận thức. Nghiên cứu này xem xét sự biến đổi và tính phổ quát trong các ẩn dụ tri nhận trong tiếng Việt và tiếng Trung.

Nghiên cứu so sánh Anh-Việt của Nguyễn Lưu Quỳnh Như (2013) đã xem xét ẩn dụ EMOTION-IS-LIQUID. Nghiên cứu này cho thấy tiếng Anh và tiếng Việt chia sẻ ÂDYN EMOTION IS LIQUID và xác định 7 ánh xạ, ví dụ: ‘trạng thái vật lý của chất lỏng là trạng thái vật lý của cảm xúc’, ‘Sự thay đổi trạng thái vật lý của chất lỏng là sự thay đổi trạng thái vật lý về cảm xúc’, ‘Người tiêu dùng/ Bình chứa chất lỏng là Người tiêu dùng/ Người chứa cảm xúc’, ‘Hành động đưa chất lỏng vào cơ thể là hành động đưa cảm xúc vào cơ thể’ v.v...

Gần đây nhất là nghiên cứu của Trần Thị Thùy Oanh (2018). Trong luận án tiến sĩ của mình, tác giả đã góp phần củng cố và phát triển các lý thuyết trước đây về ÂDYN bằng nhiều chứng minh cụ thể hơn trong tiếng Anh và tiếng Việt, nghiên cứu đã xác lập một mô tả có hệ thống và so sánh các ÂDYN dựa trên năm giác quan cơ bản trong tiếng Anh và tiếng Việt trên cơ sở lý thuyết NNHTN. Luận án đã khảo sát các điển đạt ẩn dụ dựa trên năm giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt và tìm ra 19 ÂDYN dựa trên năm giác quan cơ bản của con người. Thông qua việc phân tích và thảo luận cụ thể, luận án đã chỉ rõ sự tương đồng và sự khác biệt giữa các ẩn dụ tri nhận dựa trên các giác quan trong hai ngôn ngữ Anh và Việt, chỉ rõ những ÂDYN tồn tại trong cả tiếng Anh và tiếng Việt cũng như những ÂDYN duy nhất xuất hiện chỉ trong mỗi ngôn ngữ. Đồng thời, nghiên cứu đã xác định những vấn đề liên quan đến sự biểu hiện của các miền nguồn khác nhau với những miền đích giống nhau cũng như sự “biểu hiện chéo” giữa các giác quan trong việc kiến tạo nghĩa.

Cho đến hiện nay, chưa có nghiên cứu nào đi sâu vào nghiên cứu ÂDYN dựa trên các giác quan trên hai loại Khối liệu Anh quốc - British National Corpus (BNC) và Khối liệu dựa trên nền tảng web Sketch Engine (SkE) cũng như việc vận dụng vào trong giảng dạy tiếng Anh dành cho SV chuyên ngữ tại Việt Nam.

1.2. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

1.2.1. Hướng tiếp cận chính của ngôn ngữ học tri nhận

a. Quan tâm đến vấn đề giữa tri nhận và ngữ pháp

b. Ngữ dụng

1.2.2. Chức năng của ngôn ngữ dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận

a. Chức năng biểu hiện

b. Chức năng tương tác

1.2.3. Tính nghiêm thân (embodiment)

1.2.4. Giả thuyết nghiêm thân (Embodiment Hypothesis)

13. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA ẨN DỤ Ý NIỆM

1.3.1. Khái niệm ẩn dụ ý niệm

Ẩn dụ không chỉ tồn tại trong ngôn ngữ mà trước hết là tồn tại trong tư duy, tồn tại trong hệ quan niệm của chúng ta, tồn tại trong lời nói và việc làm của chúng ta để rồi nó thâm thấu vào cuộc sống (Lakoff và Johnson, 2003). Trong cuộc sống hằng ngày, con người thường tham chiếu những điều đã biết, những cái cụ thể, có thể nhìn thấy được để diễn đạt những quan điểm mang phạm trù tư duy, khiến người sử dụng ngôn ngữ nhiều lúc suy nghĩ, quyết định những ý niệm trong các diễn đạt đó. Nói cách khác, các diễn đạt dường như được ẩn dụ hóa. Các nội dung này theo quan điểm của NNHTN, được gọi là ẩn dụ ý niệm hay ẩn dụ tri nhận (Lakoff và Johnson, 2003).

1.3.2. Các loại ẩn dụ ý niệm

- Ẩn dụ cấu trúc
- Ẩn dụ bản thể
- Ẩn dụ kênh liên lạc/truyền tin
- Ẩn dụ định hướng
- Ẩn dụ “vật chứa”

1.3.3. Cấu trúc ẩn dụ ý niệm

a. Sơ đồ ánh xạ

b. Miền nguồn

c. Miền đích

d. Sơ đồ hình ảnh

- Về lược đồ hình ảnh TỔNG THỂ
- Về lược đồ hình ảnh ĐỊNH MỨC
- Về lược đồ TRUNG TÂM - NGOẠI BIÊN
- Về lược đồ ĐƯỜNG ĐI
- Về lược đồ BÌNH CHỨA

14. NHỮNG THUỘC TÍNH ĐIỂN DẠNG CỦA CÁC GIÁC QUAN

1.4.1. Thị giác

1.4.2. Thính giác

1.4.3. Xúc giác

1.4.4. Khứu giác

1.4.5. Vị giác

Tiểu kết chương 1

CẤU TRÚC ẨN DỤ Ý NIỆM DỰA TRÊN CÁC GIÁC QUAN TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

2.1. CẤU TRÚC ẨN DỤ Ý NIỆM DỰA TRÊN CÁC GIÁC QUAN TRONG TIẾNG ANH

2.1.1. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên thị giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ LÀ THỊ GIÁC'

b. Ẩn dụ ý niệm 'CẢM XÚC LÀ THỊ GIÁC'

c. Ẩn dụ ý niệm 'GIAO TIẾP LÀ THỊ GIÁC'

d. Ẩn dụ ý niệm 'NHẬN XÉT LÀ THỊ GIÁC'

2.1.2. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên thính giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ LÀ THÍNH GIÁC'

b. Ẩn dụ ý niệm 'SỰ TIẾP NHẬN THÔNG TIN LÀ THÍNH GIÁC'

c. Ẩn dụ ý niệm 'CẢM XÚC LÀ THÍNH GIÁC'

2.1.3. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên khứu giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ LÀ KHỨU GIÁC'

b. Ẩn dụ ý niệm 'SỰ THÍCH THÚ LÀ KHỨU GIÁC'

c. Ẩn dụ ý niệm 'SỰ TRÁI NGHIỆM LÀ KHỨU GIÁC'

2.1.4. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên xúc giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ LÀ XÚC GIÁC'

b. Ẩn dụ ý niệm 'CẢM XÚC LÀ XÚC GIÁC'

2.1.5. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên vị giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'NGỒN NGỮ LÀ VỊ GIÁC'

b. Ẩn dụ ý niệm 'SỰ TRÁI NGHIỆM LÀ VỊ GIÁC'

2.2. CẤU TRÚC ẨN DỤ Ý NIỆM DỰA TRÊN CÁC GIÁC QUAN TRONG TIẾNG VIỆT

2.2.1. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên thị giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ LÀ THỊ GIÁC'

b. Ẩn dụ ý niệm 'CẢM XÚC LÀ THỊ GIÁC'

c. Ẩn dụ ý niệm 'GIAO TIẾP LÀ THỊ GIÁC'

d. Ẩn dụ ý niệm 'NHẬN XÉT LÀ THỊ GIÁC'

2.2.2. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên thính giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ LÀ THÍNH GIÁC'

b. Ẩn dụ ý niệm 'SỰ TIẾP NHẬN THÔNG TIN LÀ THÍNH GIÁC'

c. Ẩn dụ ý niệm 'CẢM XÚC LÀ THÍNH GIÁC'

2.2.3. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên khứu giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ LÀ KHỨU GIÁC'

b. Ẩn dụ ý niệm 'SỰ TRÁI NGHIỆM LÀ KHỨU GIÁC'

2.2.4. Các ẩn dụ ý niệm dựa trên xúc giác

a. Ẩn dụ ý niệm 'HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ LÀ XÚC GIÁC'

b. Ấn dụ ý niệm 'CẢM XÚC LÀ XÚC GIÁC'

2.2.5. Các ấn dụ ý niệm dựa trên vị giác

a. Ấn dụ ý niệm 'NGỒN NGỮ LÀ VỊ GIÁC'

b. Ấn dụ ý niệm 'SỰ TRẢI NGHIỆM LÀ VỊ GIÁC'

2.3. ĐỐI SÁNH CẤU TRÚC ẤN DỤ Ý NIỆM DỰA TRÊN CÁC GIÁC QUAN TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

2.3.1. Thị giác

Tất cả các cấu trúc ý niệm được tìm thấy trong cả hai ngôn ngữ Anh và Việt. Nói cách khác, hai ngôn ngữ này chia sẻ rất nhiều ÂDYN dựa trên các giác quan, mặc dù hai ngôn ngữ thuộc về các họ ngôn ngữ và truyền thống văn hóa rất khác nhau và cũng là đại diện cho các nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

2.3.2. Thính giác

Xếp thứ hai trong các diễn đạt ấn dụ dựa trên các giác quan là các diễn đạt dựa trên thính giác. Điều này được tìm thấy trong cả hai ngôn ngữ trong việc sản sinh các diễn đạt dựa trên thính giác. Cụ thể là đối với thính giác, các diễn đạt ấn dụ được thu thập cho thấy quan điểm HOẠT ĐỘNG TRÍ TUỆ, CẢM XÚC và TIẾP NHẬN THÔNG TIN được tìm thấy trong cả hai ngôn ngữ, thể hiện sự tương đồng lớn trong các diễn đạt.

2.3.3. Khứu giác

Để làm rõ sự đa dạng và cũng phức tạp trong các diễn đạt dựa trên giác quan khứu giác trong hai ngôn ngữ, các diễn đạt được tìm thấy khá phổ biến trong cả hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, trong văn hoá phương Tây, khứu giác của con người hoạt động 'triệt để' nhằm đánh giá các nét đặc trưng trong cuộc sống như: ẩm thực, thời trang...

2.3.4. Xúc giác

Giác quan này dường như được sử dụng khá nhiều trong diễn đạt cảm xúc con người, thông qua trạng thái cảm nhận, cảm thấy từ những gì con người trải nghiệm qua cảm giác của mình. Trong cuộc sống thường nhật, con người thường xuyên tiếp cận các diễn đạt dựa trên giác quan này trong việc biểu hiện ý nghĩa cần truyền tải. Tuy nhiên, các diễn đạt dựa trên giác quan này được thấy khá phổ biến trong tiếng Anh hơn tiếng Việt.

2.3.5. Vị giác

Mặc dù vị giác không được xem là phổ biến trong tiếng Anh nhưng lại được tìm thấy khá nhiều trong tiếng Việt với số lượng các diễn đạt thể hiện rõ giác quan này được người sử dụng tiếng Việt vận dụng nhiều vào các diễn đạt của mình.

Tiểu kết chương 2

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CẤU TRÚC ẨN DỰ Ý NIỆM DỰA TRÊN CÁC GIÁC QUAN TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

3.1. MÔ TẢ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT

3.1.1. Mục đích khảo sát

3.1.2. Nội dung khảo sát

3.1.3. Đối tượng, số lượng khảo sát

3.1.4. Tổ chức khảo sát

3.1.5. Xử lý số liệu và viết báo cáo kết quả khảo sát

3.2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT VIỆC SỬ DỤNG CẤU TRÚC ẨN DỰ Ý NIỆM GIÁC QUAN TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐHNH - ĐHĐN

Nhằm tìm hiểu việc hiểu biết và hiệu quả của việc vận dụng quan điểm NNHTN về ẩn dụ (ẩn dụ ý niệm), cụ thể các ẨDYN dựa trên các giác quan vào giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của 500 SV chuyên ngữ từ năm thứ hai đến năm thứ tư của Khoa tiếng Anh, Khoa tiếng Anh chuyên ngành và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (chuyên ngành Sư phạm Anh) thuộc Trường ĐHNH - ĐHĐN.

3.2.1. Hiểu biết của SV về cấu trúc ẩn dụ ý niệm dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt

Đối với việc nhận dạng được ẩn dụ trong các diễn đạt, kết quả khảo sát thể hiện SV được khảo sát nhận dạng tương đối chính xác diễn đạt như: “to live in the public eye”, “I thought oh I can smell boiling”, “facing an easy touch” trong tiếng Anh và “phải nhìn thẳng vào vấn đề này”, “nghe người này truyền tai người kia”, “Cậu người ngon gió”, ‘ai sờ được cái nào thì quả quyết’ trong tiếng Việt là ẩn dụ, đạt từ 52% đến 92% ý kiến khảo sát.

Đối với diễn đạt “do you hear that, Razor?”, đa phần SV nhầm lẫn trong nhận dạng ẩn dụ này, chỉ đạt khoảng 39.6%. Thật sự trong tình huống này, theo quan điểm NNHTN, “hear” hàm ý hoạt động trí tuệ, đề cập đến việc tiếp nhận bằng tri nhận, tâm trí. Do vậy, đó là một diễn đạt ẩn dụ. Bên cạnh đó, chúng tôi khảo sát việc biên dịch các diễn đạt này sang tiếng Anh và tiếng Việt với kết quả có 462 SV được khảo sát có thể dịch các diễn đạt này theo nghĩa ẨDYN (chiếm tỷ lệ 92.4%), các SV còn lại bỏ trống, không dịch. Trong số 462 SV tham gia dịch các diễn đạt trong tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại thì có 376 SV dịch đúng (chiếm tỷ lệ 81.4%). Kết quả này phần nào đánh giá mức độ hiểu biết của SV chuyên ngữ về tiếp cận vận

dụng quan điểm NNHTN, đặc biệt là ÂDYN trong việc học tiếng Anh đạt hiệu quả tốt.

3.2.2. Kết quả khảo sát SV về việc lựa chọn ý niệm trong các diễn đạt ẩn dụ dựa trên các giác quan

Kết quả khảo sát có 27/50 diễn đạt được trên 400 SV (trên 80%) hiểu đúng, như trong các diễn đạt: “I'll see you later, to look into each other' s eyes, You could hear that?, We hear of another incident, it had that smell of luxury, your nose up at this training course?, a nice touch and kept in touch for long time, I simply feel the time, he enjoyed a taste of the good life, they know our taste in music...” trong tiếng Anh, và các diễn đạt như: “qua mắt cơ quan thú y, Mắt ông không rời khỏi Cha Piô, Nhưng những người nhìn được vấn đề, không muốn nhìn mặt nhau nữa, Nghe vậy, mọi người hiểu rằng, khi nghe Phó giám đốc xây dựng đập là Cao Quảng Kính, Ngay lúc đó ông ngửi thấy mùi thơm của hoa tím, Chẳng lẽ bọn trộm thính mũi đến thế ?, chúng tôi có thể ngửi thấy hắt từ xa một dặm, Tim phải tuân theo vì nó đã ngửi thấy mùi dollar rồi, chẳng mấy khi sờ vào sách kinh tế, ai sờ được cái nào thì quả quyết, khách như thấy bản thân mình nhỏ bé phù du, chẳng sợ ai sờ đến, có nếm cảnh chen chúc, cô ấy phải nếm chịu sự tổn thương từ mình dù tim cô ấy đã bạc bẽo, người khác nếm được sự tự do này” trong tiếng Việt. Bên cạnh đó, có 20/50 diễn đạt được SV (trên 60%) hiểu khá tốt về các diễn đạt mang các ý niệm khác trong các từ ngữ dựa trên các giác quan như: “He'd look through the window to see if my dad, has an eye for goals, You see the worst in the best of people, Did you hear something stir in the closet?, we will hear what she'll say, Can you say that with satisfaction in your voice?, The sharks will really smell blood, The arbitrator's task is to look at and sniff the sample of the commodity, put anybody's nose out of joint, I feel the spell about to be broken, We feel we have been considering each other too much, You can feel, can't you?, bite my tongue and accept his explanation...” trong tiếng Anh, và “Cứ xem quả thì biết cây, được nghe người lớn xì xào với nhau, bịt tai của đồng bào, khó ngửi nhưng bất khả bại, thấy thương cho cái hữu hạn của đời người, bịt miệng, cứ sưng miệng cho thoả...” trong tiếng Việt.

Tuy nhiên, vẫn có trường hợp SV lựa chọn sai hoặc số SV chọn đúng với kết quả thấp đối với các diễn đạt như: “your taste was always rotten, to hold my tongue on so important” trong tiếng Anh, và “có thể nghe thấy rõ tiếng gác ông nghe khi ông ấy kết thúc cuộc trò chuyện” trong tiếng Việt, chỉ có khoảng hơn 200 SV hiểu đúng đúng các diễn đạt này, đạt khoảng 40% - 50% trong tổng số SV được khảo sát.

3.3. ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG CẤU TRÚC ẨN DỤ Ý NIỆM DỰA TRÊN CÁC GIÁC QUAN TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐHNH - ĐHQĐN

3.3.1. Ưu điểm

Quan điểm NNHTN đem lại một bức tranh mới sáng tỏ và sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa tư duy và ngôn ngữ - một phạm trù vốn nằm trong chính bản chất nhận thức của ngôn ngữ. Hoạt động giao tiếp và nhận thức của con người được định hướng vào đời sống thực tiễn thông qua ngôn ngữ, từ đó họ sản sinh ra các diễn đạt. Chính vì vậy, hiểu rõ quan điểm NNHTN về ẩn dụ giúp SV hiểu được bản chất của ngôn ngữ.

Nội dung khác của NNHTN về ẩn dụ mà có thể dễ dàng khẳng định trước hết là tầm nhìn mở về cách tạo nghĩa. Cụ thể, đó là tầm nhìn về cách tạo nghĩa được xác lập dựa trên mối liên hệ trực tiếp với quá trình giao tiếp theo một cơ chế tự nhiên và thông thoáng nhất trong môi trường hoạt động xã hội. Từ việc tiếp cận cụ thể các nội dung này, SV ngành Ngôn ngữ Anh có cơ hội hiểu rõ và sử dụng thành thạo các các diễn đạt ẩn dụ dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt một cách chính xác và hiệu quả.

Tiếp theo, người học có động lực trong việc học thông qua việc vận dụng một lý thuyết còn tương đối mới mẻ là NNHTN trong việc học tiếng Anh của bản thân. Giả sử chúng ta xem xét một dấu hiệu không như là một việc đang diễn ra bình thường mà một kinh nghiệm học tập đầy tiềm năng, đó chính là một phần tiếp cận NNHTN trong việc học tập tiếng Anh, những điều khá mới mẻ sẽ gây hứng thú hơn trong việc đạt kết quả học tập tốt.

Tóm lại, các ý tưởng từ quan điểm NNHTN về ẩn dụ được tiếp cận và vận dụng vào giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ bước đầu đã mang lại các hiệu quả thiết thực, cụ thể được sử dụng trong việc dịch thuật, truyền tải ý nghĩa của các diễn đạt được trôi chảy, dễ hiểu, dễ tiếp cận và tránh các ý nghĩa cụ thể của các từ ngữ dựa trên các giác quan được chúng ta sử dụng để hàm ý hay 'ý niệm' nhờ vào những trải nghiệm mà con người trải qua trong cuộc sống hằng ngày.

3.3.2. Hạn chế

Giảng viên hướng dẫn người học đa phần chưa có cơ hội nghiên cứu sâu và đầy đủ về quan điểm NNHTN nên đôi lúc chưa truyền tải được hết tất cả các nội dung cơ bản về ẩn dụ ý niệm và từ đó có thể gặp khó khăn cho việc vận dụng các quan điểm này vào giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ. Việc này được giải quyết bằng cách đề xuất Nhà trường, Khoa chuyên môn tăng cường tổ chức tập huấn thêm cho GV chuyên để về quan điểm NNHTN để họ có cơ hội phát huy những mặt mạnh của lý thuyết này trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ Anh.

Một hạn chế khác là GV tiếng Anh chưa có nhiều thời gian để tập trung một hướng nghiên cứu mới và tiếp cận vào việc giảng dạy của bản thân vì đây là một lý thuyết còn tương đối mới tại Việt Nam cũng như việc vận dụng trong giảng dạy.

Bên cạnh đó, môn học NNHTN chưa được đưa vào giảng dạy chính thức như một môn học tại Trường ĐHNH - ĐHQĐN nên thời lượng dành cho việc vận dụng quan điểm này vào giảng dạy cũng còn hạn chế. Từ đó ảnh hưởng đến sự hiểu biết của SV trong việc thể hiện cũng như sử dụng các nội dung được học về NNHTN.

Do bài học yêu cầu người học phải có sự liên tưởng và sử dụng các diễn đạt phải có những trải nghiệm thực tế, phải có khả năng tri nhận thành thạo mới có thể cảm nhận được và sử dụng được. Nói theo cách của NNHTN, đó chính là tính nghiệm thân. Chỉ có thể rút ra từ những trải nghiệm của bản thân thì người ta mới có thể có những phát ngôn có ‘ý niệm’ được. Chính những điều này gây không ít khó khăn cho việc chuyển dịch đúng và đủ ý giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

3.4. ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG PHÂN TÍCH CẤU TRÚC ẨN DỤ Ý NIỆM DỰA TRÊN CÁC GIÁC QUAN TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ

Cùng với những nghiên cứu về các diễn đạt dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt theo quan điểm NNHTN và kết quả khảo sát ý kiến SV và GV tiếng Anh, chúng tôi đề xuất các biện pháp có tính cấp thiết và khả thi cho việc áp dụng phân tích cấu trúc ẨN DỤ dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt vào giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ bao gồm:

(1) Nâng cao nhận thức của GV và SV chuyên ngữ vào việc dạy và học tiếng Anh theo quan điểm NNHTN.

(2) Ứng dụng các quan điểm về NNHTN xuyên suốt nhằm giúp SV nhận dạng nghĩa của các diễn đạt được rõ ràng và chính xác.

(3) Xây dựng các bài giảng mang tính cập nhật các quan điểm NNHTN trong giảng dạy biên phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh.

(4) Áp dụng quan điểm NNHTN trong việc dạy các môn nâng cao trong chương trình đào tạo tiếng Anh cho SV chuyên ngữ.

(5) Kiểm tra - đánh giá việc ứng dụng quan điểm NNHTN trong việc truyền tải nghĩa của các diễn đạt.

(6) Hoàn thiện qui trình dạy học môn tiếng Anh theo quan điểm NNHTN.

Tiểu kết chương 3

PHẦN BA: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Tuy ẩn dụ là một phương thức phổ biến giúp con người có thể nhận biết, khám phá sâu hơn về thế giới, nhưng khi các dân tộc khác nhau sử dụng ngôn ngữ khác nhau để nhận thức thế giới thông qua ẩn dụ thì họ đã thể hiện những khác biệt mang tính dân tộc. Nghiên cứu này là hữu ích cho việc tìm hiểu và lý giải sâu sắc ẩn dụ tri nhận trong tiếng Anh và tiếng Việt. Trên phương diện ẩn dụ tri nhận về bộ phận cơ thể người, hai ngôn ngữ này có sự phân bố các ưu tiên và các mô hình nhận thức hầu như trên các giác quan như nhau. Từ đó, nghiên cứu này giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn quan hệ giữa ẩn dụ tri nhận với thế giới quan ngôn ngữ, văn hóa ngôn ngữ và tư duy. Ở phương diện ứng dụng, nghiên cứu này là những gợi ý quý báu trong quá trình dạy và học ngoại ngữ, dạy và học tiếng Anh cho SV chuyên ngữ, trong công tác dịch thuật cũng như trong giao tiếp liên văn hóa.

- Việc phân tích, trình bày các diễn đạt dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt về mặt ngữ nghĩa - ngữ dụng cho thấy rõ đặc điểm của chúng. Điều này phụ thuộc trực tiếp vào cơ thể, vào các nhân tố xã hội. Những người sử dụng ngôn ngữ đóng những vai nhất định trong việc quy định các ý nghĩa ngôn ngữ.

- Với quan điểm của NNHTN, việc chuyển nghĩa của các diễn đạt có sự đa nghĩa, đa dạng và phát triển vượt bậc ở góc độ ngữ nghĩa, thể hiện sự tích cực trong việc chuyển loại từ và mở rộng nghĩa.

- Trong NNHTN, tất cả những thông tin chúng ta có được đều phải đi qua bộ lọc tri giác. Những cơ quan giúp chúng ta tích lũy thông tin có thể là: mắt, mũi, tai, chân tay, v.v... Dĩ nhiên, khi chúng ta tưởng thuật lại những thông tin chúng ta có được, những thông tin đó đã trải qua một quá trình lọc của nhận thức của chúng ta. Điều đó có tính chủ quan của cảm nhận riêng của từng chủ thể riêng biệt.

- Các quan điểm về ÂDYN cần được vận dụng và đưa vào chương trình giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ vì sẽ giúp người học am hiểu và sản sinh các diễn đạt ẩn dụ trong quá trình truyền tải ngôn ngữ được hiệu quả.

- Kết quả khảo sát các diễn đạt dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt với quan điểm NNHTN thông qua hệ thống British National Corpus (BNC) và Sketch Engine đã thể hiện sự đa dạng về nghĩa của các diễn đạt trong tiếng Anh và tiếng Việt. Chính sự đa dạng về nghĩa của các diễn đạt sẽ gây khó khăn cho người dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Việc hiểu rõ được nghĩa của các diễn đạt sẽ mang lại một sự chuyển nghĩa rất rõ ràng, chính xác và thú vị.

- Sinh viên nhận thấy hoạt động này khó khăn và đầy thách thức. Tuy nhiên, hầu hết SV được khảo sát đều đánh giá rất tích cực việc sử dụng các điển đạt ẩn dụ dựa trên các giác quan, gây sự hứng thú trong quá trình học và trên thực tế để họ có thể có các lựa chọn từ vựng khác nhau trong việc sử dụng theo cả nghĩa bóng và nghĩa đen.

- Kết quả khảo sát việc vận dụng quan điểm ẩn dụ ý niệm, cụ thể qua các điển đạt ẩn dụ dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt của 500 SV chuyên ngữ từ năm thứ hai đến năm thứ tư của Khoa tiếng Anh, Khoa tiếng Anh chuyên ngành và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (chuyên ngành Sư phạm Anh) thuộc Trường ĐHNN - ĐHQĐN thể hiện đa phần SV hiểu rõ và chính xác các điển đạt thông qua quan điểm NNHTN về ẩn dụ, đa số SV được khảo sát ý kiến nhận ra ẩn dụ và dịch được các điển đạt sang tiếng Anh và tiếng Việt cũng như hiểu đúng đa phần các ‘ý niệm’ trong các điển đạt.

2. Khuyến nghị

*** Đối với Trường đại học, Khoa có đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

- Xây dựng, phát triển giáo trình giảng dạy tiếng Anh, đổi mới cách tiếp cận ngôn ngữ và phương pháp dạy học tiếng Anh cho SV chuyên ngữ theo NNHTN.

- Bổ sung nội dung môn học về NNHTN, ẩn dụ ý niệm nói chung và về các điển đạt dựa trên các giác quan nói riêng vào nội dung giảng dạy trong chương trình đào tạo SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo đội ngũ GV tiếng Anh để họ hiểu rõ các nội dung của quan điểm NNHTN và ẩn dụ ý niệm, từ đó vận dụng và phát huy tối đa hiệu quả các bài giảng tại lớp.

- Tăng cường tổ chức kiểm tra, đánh giá việc vận dụng quan điểm NNHTN trong việc giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ.

*** Đối với Giảng viên tiếng Anh**

- Tích cực áp dụng quan điểm NNHTN trong việc dạy các môn học nâng cao trong chương trình đào tạo tiếng Anh cho SV chuyên ngữ.

- Xây dựng các bài giảng mang tính cập nhật các quan điểm NNHTN trong giảng dạy biên phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh.

- Nâng cao nhận thức trong việc dạy tiếng Anh theo quan điểm NNHTN, trong đó tích cực tự nghiên cứu, tham gia các khóa tập huấn do các đơn vị tổ chức nhằm hiểu rõ về NNHTN.

- Rèn luyện khả năng tri nhận thành thạo cùng với những kiến thức cụ thể về quan điểm NNHTN để có thể cảm nhận được và sử dụng được chúng trong quá trình giảng dạy.

- Ứng dụng các quan điểm về NNHTN xuyên suốt nhằm giúp SV nhận dạng nghĩa của các diễn đạt được rõ ràng và chính xác

- Tích cực phối hợp với Nhà trường, Khoa trong việc kiểm tra, đánh giá việc vận dụng quan điểm NNHTN trong việc giảng dạy tiếng Anh cho SV chuyên ngữ.

*** Đối với SV chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh**

- Hiểu biết đầy đủ và chính xác về quan điểm NNHTN, về ẩn dụ ý niệm, cụ thể là qua các diễn đạt dựa trên các giác quan trong tiếng Anh cũng như tiếng Việt nhằm giúp nâng cao hiệu quả tiếp cận nghĩa.

- Tăng cường thực hành các diễn đạt dựa trên các giác quan trong khi chuyển dịch nghĩa sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt nhằm khắc phục các lỗi trong phiên dịch cũng như biên dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

- Hiểu rõ và sử dụng thành thạo các việc phân tích ngôn ngữ theo trường phái ngôn ngữ để từ đó tạo động lực trong việc học tiếng Anh.

3. Hạn chế của đề tài và đề xuất cho nghiên cứu sau này

*** Hạn chế của đề tài**

Mặc dù chúng tôi đã chọn các diễn đạt ẩn dụ trích xuất từ nguồn khối liệu là BNC và SkE, với ưu điểm là có tính cập nhật nhất và được xem là các nguồn khối liệu cập nhật thường xuyên nhất hiện nay, tuy nhiên, các dữ liệu chưa tập trung được về một vấn đề, thể loại bao hàm sự đa dạng về chủng loại, từ văn xuôi, truyện, báo, cho đến các bài diễn thuyết... nên chúng tôi chưa đưa ra được nét đặc trưng của loại dữ liệu được tìm thấy để nghiên cứu. Một hạn chế nữa của đề tài là về lĩnh vực số lượng diễn đạt ẩn dụ cho các giác quan bị giới hạn. Sự giới hạn của nghiên cứu là do hạn chế về thời gian và nguồn lực. Do vậy, các diễn đạt chưa bao quát được tất cả các ÁĐYN dựa trên các giác quan trong tiếng Anh và tiếng Việt. Ngoài ra, đề tài chưa phát hiện ra sự tương tác giữa các giác quan trong việc tạo ra ý nghĩa trong tiếng Anh và tiếng Việt.

*** Đề xuất cho nghiên cứu sau này**

- Nghiên cứu đến các đặc điểm cú pháp và ngữ dụng của các cấu trúc ẩn dụ ý niệm và không chỉ dựa trên các giác quan cơ bản mà bao gồm các giác quan khác.

- Nghiên cứu sự tương tác giữa các giác quan trong việc thể hiện ngôn ngữ.

- Sử dụng các công cụ hiện đại để thu thập dữ liệu được nhanh chóng và hiệu quả trong nghiên cứu.